

Số: 2756/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Công bố bổ sung các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải như Danh mục tại Phụ lục I của Quyết định này.

2. Công bố sửa đổi các thủ tục hành chính trong Cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải như Danh mục tại Phụ lục II của Quyết định này.

3. Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính công bố bổ sung, sửa đổi quy định tại Phụ lục III của Quyết định này.

Điều 2.

Chánh Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm thực hiện việc cập nhật các thủ tục hành chính công bố bổ sung, sửa đổi vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Các Thủ trưởng Bộ GTVT;
- Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, VP(KSTTHC).



Đinh La Thăng

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BỔ SUNG
(Kèm theo Quyết định số 2756/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 12 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG			
I- Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng kiểm			
1.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô của thương nhân nhập khẩu ô tô	Đường bộ	Cục Đăng kiểm VN
II- Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hàng hải			
2.	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng
3.	Cấp Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam	Hàng hải	Lãnh sự quán Việt Nam ở nước ngoài
4.	Đăng ký thay đổi tên chủ tàu biển	Hàng hải	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng
III- Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hàng không			
5	Phê duyệt lần đầu tài liệu Hệ thống quản lý an toàn của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay	Hàng không	Cục Hàng không Việt Nam
6	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu Hệ thống quản lý an toàn của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay	Hàng không	Cục Hàng không Việt Nam

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA ĐƯỢC SỬA ĐỔI

(Kèm theo Quyết định số 2756 /QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 12 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên thủ tục hành chính	Số seri	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I- Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hàng hải				
1.	Đăng ký tàu biển Việt Nam	B-BGT-016944-TT	Hàng hải	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng
2.	Đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam	B-BGT-017095-TT	Hàng hải	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng
3.	Đăng ký lại tàu biển Việt Nam	B-BGT-017382-TT	Hàng hải	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng
4.	Đăng ký thay đổi tên tàu biển Việt Nam	B-BGT-017434-TT	Hàng hải	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng
5.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu tàu biển	B-BGT-017475-TT	Hàng hải	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng
6.	Đăng ký thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật tàu biển	B-BGT-017510-TT	Hàng hải	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng
7.	Đăng ký thay đổi cơ quan đăng ký tàu biển khu vực	B-BGT-017630-TT	Hàng hải	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng

8.	Đăng ký thay đổi tổ chức đăng kiểm tàu biển Việt Nam	B-BGT-017658-TT	Hàng hải	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng
9.	Đăng ký tạm thời tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam	B-BGT-017604-TT	Hàng hải	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng
10.	Đăng ký tàu biển Việt Nam đang đóng	B-BGT-017818-TT	Hàng hải	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng
11.	Đăng ký tàu biển Việt Nam loại nhỏ	B-BGT-017819-TT	Hàng hải	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng
12.	Xóa đăng ký tàu biển Việt Nam	B-BGT-017820-TT	Hàng hải	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng
II- Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khác				
13.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế	B-BGT-037312-TT	Khác	Bộ Giao thông vận tải
14.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế	B-BGT-107481-TT	Khác	Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục III

NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

*(Kèm theo Quyết định số 2756 /QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 12 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Phần I- NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BỔ SUNG

I- Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng kiểm

1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô của thương nhân nhập khẩu ô tô

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Thương nhân nhập khẩu ô tô hoặc cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô lập hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô gửi đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn thương nhân nhập khẩu hoặc cơ sở bảo hành, bảo dưỡng hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì thống nhất thời gian thực hiện đánh giá sự phù hợp.

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành đánh giá sự phù hợp tại cơ sở bảo hành, bảo dưỡng: nếu kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu thì thông báo để thương nhân nhập khẩu (hoặc cơ sở bảo hành, bảo dưỡng) hoàn thiện lại; nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô.

2. Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống bưu chính; hoặc

- Trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô theo mẫu;

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô (đối với trường hợp thương nhân nhập khẩu thuê cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa thực hiện việc bảo hành xe ô tô);

- Giấy ủy quyền của nhà sản xuất ô tô về việc bảo hành, bảo dưỡng xe hoặc Giấy xác nhận thỏa mãn tiêu chuẩn cơ sở bảo hành, bảo dưỡng của nhà sản xuất ô tô (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Giấy chứng nhận được cấp trong phạm vi 05 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định và có kết quả đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn tại cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe đạt yêu cầu.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Thương nhân nhập khẩu xe ô tô (hoặc cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô).

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí đánh giá: 2.000.000đ/01 Giấy chứng nhận.

- Lệ phí: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Bản đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô của thương nhân nhập khẩu xe ô tô phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 43/2011/TT-BGTVT ngày 09/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 43/2010/TT-BGTVT ngày 09/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô của thương nhân nhập khẩu xe ô tô;

- Quyết định số 12/2003/QĐ-BTC ngày 24/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành mức thu phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng thiết bị, vật tư thuộc phạm vi giám sát của Đăng kiểm Việt Nam.

- Thông tư số 102/2008/TT-BTC ngày 11/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải.

Mẫu:**Bản đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô****1. Thông tin chung**

- 1.1. Tên thương nhân nhập khẩu
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Tên cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô:
- 1.4. Địa chỉ:
- 1.5. Giấy phép đầu tư/đăng ký kinh doanh: Ngày cấp:
- 1.6. Loại phương tiện bảo hành, bảo dưỡng:
- 1.7. Người đại diện:
- 1.8. Chức danh:
- 1.9. Điện thoại: Fax:

2. Cơ sở vật chất kỹ thuật**2.1. Mặt bằng xưởng**

- 2.1.1. Diện tích mặt bằng toàn bộ khu vực dành cho bảo hành, bảo dưỡng:
- 2.1.2. Tỷ lệ diện tích xưởng có mái che:

2.2. Trang thiết bị bảo hành, bảo dưỡng

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Tình trạng hoạt động

2.3. Nhân lực

- 2.3.1. Người điều hành cơ sở bảo hành, bảo dưỡng
 - Trình độ chuyên môn:
 - Số năm kinh nghiệm công tác:
- 2.3.2. Thợ sửa chữa làm việc tại xưởng
 - Số lượng thợ:
 - Số lượng thợ có chứng chỉ đào tạo nghề phù hợp:
 - Số lượng thợ cơ khí ô tô có bậc từ 5/7 trở lên hoặc tương đương:
 - Số lượng thợ cơ khí ô tô, bậc từ 3/7 trở lên hoặc tương đương (thực hiện kiểm tra, lắp ráp, điều chỉnh):
 - Số lượng công nhân có giấy phép lái xe ô tô:

2.4. Hệ thống quản lý chất lượng phương tiện sau bảo hành, bảo dưỡng

- Các quy định về kiểm tra trước khi xuất xưởng (1)
- Các quy định về bảo hành chất lượng dịch vụ (1).
- Các quy định về ghi biên bản, xác nhận vào sổ bảo hành, bảo dưỡng (1).

Thương nhân nhập khẩu xe ô tô
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1) Trường hợp cơ sở có quy định chi tiết bằng văn bản hoặc lập thành các mẫu Phiếu, bảng in thì nộp kèm bản photocopy.

II- Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hàng hải

2. Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu đến một trong các Cơ quan đăng ký tàu biển sau đây: Cục Hàng hải Việt Nam, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển kiểm tra hồ sơ theo quy định, vào sổ hồ sơ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định.
- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định.
- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển kiểm tra hồ sơ theo quy định và vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan đăng ký tàu biển thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do những nội dung chưa đáp ứng để tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định.
- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký tàu biển phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị của chủ tàu theo mẫu;
- Bản chính đơn bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo đảm tài chính phù hợp với quy định của Công ước Bunker 2001; trường hợp việc bảo hiểm có tái bảo hiểm thì phải nộp cả bản gốc giấy chứng nhận của tổ chức nhận tái bảo hiểm liên quan.

Trường hợp đơn bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính, giấy chứng nhận tái bảo hiểm về trách nhiệm dân sự của chủ tàu được cấp dưới dạng dữ liệu điện tử, chủ tàu phải cung cấp địa chỉ chính thức, hợp pháp trang thông tin điện tử của tổ chức đã cấp để kiểm tra.

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải Việt Nam, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

- Cục Hàng hải Việt Nam; địa chỉ: số 08 Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội;

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh;

- Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đơn bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu theo quy định của Công ước Bunker 2001.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Thông tư số 46/2011/TT-BGTVT ngày 30/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính theo Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu 2001.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM HOẶC BẢO ĐẢM TÀI CHÍNH
VỀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI TỖN THẤT Ô NHIỄM DẦU NHIÊN LIỆU
APPLICATION FOR ISSUING CERTIFICATE OF INSURANCE OR OTHER
FINANCIAL SECURITY IN RESPECT OF CIVIL LIABILITY FOR BUNKER OIL
POLLUTION DAMAGE

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển)
To: (Name of the Register of Ship)

Tên chủ tàu

Name of shipowner:

Địa chỉ :

(Address)

Tên người khai thác tàu (nếu có) :

Name of Operator (if any):

Địa chỉ (Address):

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu theo quy định của Công ước Bunker 2001 cho tàu dưới đây:

Kindly request to issue certificate of insurance or other financial security in respect of civil liability for bunker oil pollution damage in accordance with the requirements of the International Convention on Civil Liability for Bunker Oil Pollution Damage, 2001 for the following ship:

Tên tàu:

Name of Ship

Quốc tịch:.....

Flag State of Ship

Hồ hiệu/Số IMO:.....

Call sign/IMO Number

Cảng đăng ký:.....

Port of Registry

Loại tàu:.....

Type of Ship

Tổng dung tích:.....

Gross Tonnage

Tên và địa chỉ của các công ty bảo hiểm và/hoặc (những) người bảo lãnh:

Name and Address of the Insurer(s) and/ or Guarantor(s)

Tên (Name):

Địa chỉ (Address):

Tên (Name):

Địa chỉ (Address):.....

Loại hình bảo đảm:.....

Type of Security

Thời hạn bảo đảm:

Duration of Security:

Tên và địa chỉ của tổ chức tái bảo hiểm:

Name and Address of the Re- insurance Organization

Loại hình tái bảo hiểm:

Type of Re-insurance

Thời hạn tái bảo hiểm:

Duration of Re-insurance:

.....Ngàytháng năm ...

.....Date.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

APPLICANT

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu
(signature, full name and seal)

3. Cấp Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam đến cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, nơi mua tàu hoặc nơi bàn giao tàu theo đề nghị của chủ tàu.
- Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam được cấp cho tổ chức, cá nhân Việt Nam mua tàu biển của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong trường hợp tàu biển đó chưa được đăng ký theo quy định của pháp luật.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.
- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.
- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
- Bản chính giấy chứng nhận xóa đăng ký hoặc tạm ngừng đăng ký đối với trường hợp tàu biển đã qua sử dụng;
- Bản chính biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với trường hợp nhận tàu đóng mới ở nước ngoài để đưa tàu về Việt Nam;
- Bản chính hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương về quyền sở hữu đối với tàu biển;
- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc bản chính giấy chứng nhận nơi cư trú có xác nhận của công an cấp xã (trường hợp chủ tàu là cá nhân Việt Nam).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài;
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép.
- Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam chỉ có hiệu lực trong 01 chuyến đi của tàu biển đó và có giá trị sử dụng từ khi được cấp cho đến khi tàu biển về đến cảng biển đầu tiên của Việt Nam.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Trường hợp đăng ký lần đầu tại Việt Nam, tàu biển đã qua sử dụng phải có tuổi tàu tính từ năm đóng tàu theo quy định sau đây:

- Tàu khách không quá 10 tuổi;
- Các loại tàu biển khác không quá 15 tuổi.

Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định, nhưng không quá 5 tuổi đối với mỗi loại tàu biển quy định trên.

- b) Tàu biển nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền thì không áp dụng tuổi tàu biển theo quy định tại Điểm a.

- c) Tàu biển nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được chuyển đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam, nếu tại thời điểm ký hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại Điểm a.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;
- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence-Freedom-Happiness

.....Ngày tháng ... năm

.....Date.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN

APPLICATION FOR REGISTRATION OF SHIP

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên tàu: Hô hiệu/Số IMO:

Ship's name

Call sign/IMO number

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:

Type of ship

Year/Place of building

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:

Breadth

Length over all

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng.....

Draft

Gross tonnage/Net tonnage

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:

M.E. power

Dead weight

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:

Classification Agency

Port of registry

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam ☐

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu tàu biển ☐

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ tàu (tên, địa chỉ):

Shipowner (name, address)

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

4. Đăng ký thay đổi tên chủ tàu biển

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi tên chủ tàu biển đến cơ quan đăng ký tàu biển khu vực nơi mà tàu biển đã được đăng ký trước đây. Các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực gồm:

- + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng;
- + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh;
- + Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.

- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam không thời hạn hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
- + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam.

- Trường hợp đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
- + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam.
- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam đang đóng hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản chính);
 - + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng.
- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam loại nhỏ hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản chính);
 - + Sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu biển (bản chính);
 - + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực căn cứ vào sổ đăng ký, ngày đăng ký và hình thức đăng ký trước đây để cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:
 - Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
 - Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh;
 - Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký thay đổi.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;

- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm ...
....., date.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI
APPLICATION FOR CHANGING REGISTRATION

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)
To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số và thay đổi dưới đây:
Kindly register change the ship with the following particulars:

Tên tàu: Hô hiệu/Số IMO:
Ship's name Call sign/IMO number

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:
Type of ship Year/Place of building

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:
Breadth Length over all

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng: ...
Draft Gross tonnage/Net tonnage

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:
M.E. power Dead weight

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:
Classification Agency Port of registry

Nội dung thay đổi:
Change in

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

III- Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hàng không

5. Phê duyệt lần đầu tài liệu Hệ thống quản lý an toàn của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (ANS) nộp hồ sơ đề nghị Phê duyệt tài liệu Hệ thống quản lý an toàn (SMS) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra tính đầy đủ theo quy định của hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản cho doanh nghiệp cung cấp ANS biết và thời gian phê duyệt được tính từ khi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ được chấp nhận, trong thời hạn 10 ngày, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức họp thẩm định với các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan. Căn cứ vào kết quả thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam quyết định phê duyệt tài liệu SMS cho doanh nghiệp cung cấp ANS.

- Trong quá trình kiểm tra và đánh giá hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có thể yêu cầu doanh nghiệp cung cấp các thông tin hoặc tài liệu để làm rõ các vấn đề liên quan.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt tài liệu SMS theo mẫu;

- Dự thảo tài liệu SMS

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý hoạt động bay, Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị Phê duyệt tài liệu hệ thống quản lý an toàn

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tài liệu SMS phải bao gồm các nội dung sau:

- Phần chung gồm quyết định ban hành, ghi nhận tư chính, mục lục, lời nói đầu, giải thích thuật ngữ và ký hiệu chữ viết tắt;
- Phạm vi của SMS;
- Chính sách và mục tiêu an toàn;
- Trách nhiệm an toàn;
- Tổ chức SMS;
- Quy trình kiểm soát tài liệu;
- Phối hợp lập kế hoạch ứng phó khẩn nguy;
- Các sơ đồ nhận dạng mối nguy hiểm và quản lý rủi ro;
- Đảm bảo an toàn;
- Theo dõi thực hiện an toàn;
- Kiểm tra giám sát an toàn;
- Quản lý các thay đổi;
- Thúc đẩy công tác an toàn;
- Các hoạt động liên quan.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006;
- Thông tư số 53/2011/TT-BGTVT ngày 24/10/2011 quy định về an toàn hoạt động bay.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt tài liệu hệ thống quản lý an toàn (SMS)

(áp dụng phê duyệt lần đầu/hoặc sửa đổi, bổ sung)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tổ chức đề nghị:..... địa chỉ:

.....
...

đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt lần đầu/hoặc sửa đổi, bổ sung tài liệu SMS của Tổ chức

1. Văn bản giải trình xây dựng/sửa đổi, bổ sung tài liệu SMS.
2. Ngày dự kiến đưa vào sử dụng:.....

Các tài liệu kèm theo:

-.....

-.....

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

Nơi nhận:

- Như trên;

(Ký tên, đóng dấu)

-

- Lưu VT,(..b)

6. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu Hệ thống quản lý an toàn của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (ANS) nộp hồ sơ đề nghị Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu Hệ thống quản lý an toàn (SMS) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra tính đầy đủ theo quy định của hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản cho doanh nghiệp cung cấp ANS biết và thời gian phê duyệt được tính từ khi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ được chấp nhận, trong thời hạn 05 ngày, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức họp thẩm định với các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan. Căn cứ vào kết quả thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu SMS cho doanh nghiệp cung cấp ANS.

- Trong quá trình kiểm tra và đánh giá hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có thể yêu cầu doanh nghiệp cung cấp các thông tin hoặc tài liệu để làm rõ các vấn đề liên quan.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu SMS theo mẫu;

- Tài liệu sửa đổi, bổ sung tài liệu SMS;

- Tài liệu SMS đã được phê duyệt.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý hoạt động bay, Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị Phê duyệt tài liệu hệ thống quản lý an toàn

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tài liệu SMS phải bao gồm các nội dung sau:

- Phần chung gồm quyết định ban hành, ghi nhận tu chính, mục lục, lời nói đầu, giải thích thuật ngữ và ký hiệu chữ viết tắt;
- Phạm vi của SMS;
- Chính sách và mục tiêu an toàn;
- Trách nhiệm an toàn;
- Tổ chức SMS;
- Quy trình kiểm soát tài liệu;
- Phối hợp lập kế hoạch ứng phó khẩn nguy;
- Các sơ đồ nhận dạng mối nguy hiểm và quản lý rủi ro;
- Đảm bảo an toàn;
- Theo dõi thực hiện an toàn;
- Kiểm tra giám sát an toàn;
- Quản lý các thay đổi;
- Thúc đẩy công tác an toàn;
- Các hoạt động liên quan.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006;
- Thông tư số 53/2011/TT-BGTVT ngày 24/10/2011 quy định về an toàn hoạt động bay.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt tài liệu hệ thống quản lý an toàn (SMS)

(áp dụng phê duyệt lần đầu/hoặc sửa đổi, bổ sung)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tổ chức đề nghị:..... địa chỉ:

.....
...

đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt lần đầu/hoặc sửa đổi, bổ sung tài liệu SMS của Tổ chức

1. Văn bản giải trình xây dựng/sửa đổi, bổ sung tài liệu SMS.
2. Ngày dự kiến đưa vào sử dụng:.....

Các tài liệu kèm theo:

-.....

-.....

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu VT,(..b)

(Ký tên, đóng dấu)

Phần II- NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ SỬA ĐỔI

I- Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hàng hải

1. Đăng ký tàu biển Việt Nam (B-BGT- 016944-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đăng ký tàu biển Việt Nam đến một trong các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực sau: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.

- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
- Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký hoặc tạm ngừng đăng ký đối với tàu biển đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu biển được đóng mới;
- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương về quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính);
- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định: nộp 01 bộ gồm bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và bản chính chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Trường hợp tàu biển là đối tượng

không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc bản chính giấy chứng nhận nơi cư trú có xác nhận của công an cấp xã (trường hợp chủ tàu là cá nhân Việt Nam).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh;

- Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Lệ phí đăng ký tàu biển:

+ Tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT: 3.000 đồng/GT-lần (Mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 501 đến 1.600 GT: 2.500 đồng/GT-lần;

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 1.601 đến 3.000 GT: 2.000 đồng/GT-lần;

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 3.001 GT trở lên: 1.500 đồng/GT-lần.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Trường hợp đăng ký lần đầu tại Việt Nam, tàu biển đã qua sử dụng phải có tuổi tàu tính từ năm đóng tàu theo quy định sau đây:

- Tàu khách không quá 10 tuổi;

- Các loại tàu biển khác không quá 15 tuổi.

Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định, nhưng không quá 5 tuổi đối với mỗi loại tàu biển quy định trên.

b) Tàu biển nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền thì không áp dụng tuổi tàu biển theo quy định tại Điểm a.

c) Tàu biển nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được chuyển đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam, nếu tại thời điểm ký hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại Điểm a.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;
- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển;
- Quyết định số 84/2005/QĐ-BTC ngày 28/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ mua bán tàu biển và lệ phí đăng ký tàu biển, cấp bằng, chứng chỉ liên quan đến hoạt động tàu biển và công bố cảng biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

....., ngày tháng ... năm

....., date... month ... year.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN

APPLICATION FOR REGISTRATION OF SHIP

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên tàu: Hô hiệu/Số IMO:

Ship's name

Call sign/IMO number

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:

Type of ship

Year/Place of building

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:

Breadth

Length over all

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng:

Draft

Gross tonnage/Net tonnage

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:

M.E. power

Dead weight

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:

Classification Agency

Port of registry

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam ☐

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu tàu biển ☐

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ tàu (tên, địa chỉ):

Shipowner (name, address)

.....

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

2. Đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam (B-BGT- 017095-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam đến một trong các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực sau: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

- Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam được cấp trong các trường hợp sau:

- + Chủ tàu là tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê mua tàu hoặc thuê tàu trần; hoặc
- + Chủ tàu là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.

- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp chủ tàu là tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê mua tàu hoặc thuê tàu trần, hồ sơ bao gồm:

- + Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
- + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Giấy chứng nhận xóa đăng ký hoặc tạm ngừng đăng ký tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần (bản chính);
- + Biên bản bàn giao tàu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

- Trường hợp chủ tàu là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài, hồ sơ bao gồm:
 - + Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
 - + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
 - + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
 - + Giấy chứng nhận xóa đăng ký hoặc tạm ngừng đăng ký tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
 - + Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam;
 - + Bản chính giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển đang đề nghị đăng ký;
 - + Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định gồm: 01 (một) bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và bản chính chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước; trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ, nộp 01 (một) bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế.

b) Số lượng hồ sơ: 01(bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:
 - Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
 - Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh;
 - Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Lệ phí: 30% mức thu đăng ký chính thức.
- Mức thu đăng ký chính thức là:
 - + Tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT: 3.000 đồng/GT-lần (Mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);
 - + Tàu có dung tích đăng ký từ 501 đến 1.600 GT: 2.500 đồng/GT-lần;
 - + Tàu có dung tích đăng ký từ 1.601 đến 3.000 GT: 2.000 đồng/GT-lần;
 - + Tàu có dung tích đăng ký từ 3.001 GT trở lên: 1.500 đồng/GT-lần.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Trường hợp đăng ký lần đầu tại Việt Nam, tàu biển đã qua sử dụng phải có tuổi tàu tính từ năm đóng tàu theo quy định sau đây:

- Tàu khách không quá 10 tuổi;
- Các loại tàu biển khác không quá 15 tuổi.

Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định, nhưng không quá 5 tuổi đối với mỗi loại tàu biển quy định trên.

b) Tàu biển nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền thì không áp dụng tuổi tàu biển theo quy định tại Điểm a.

c) Tàu biển nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được chuyển đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam, nếu tại thời điểm ký hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại Điểm a.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;
- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển;
- Quyết định số 84/2005/QĐ-BTC ngày 28/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ mua bán tàu biển và lệ phí đăng ký tàu biển, cấp bằng, chứng chỉ liên quan đến hoạt động tàu biển và công bố cảng biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

....., ngày tháng ... năm

....., date... month ... year.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN

APPLICATION FOR REGISTRATION OF SHIP

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên tàu: Hồ hiệu/Số IMO:

Ship's name *Call sign/IMO number*

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:

Type of ship *Year/Place of building*

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:

Breadth *Length over all*

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng:

Draft *Gross tonnage/Net tonnage*

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:

M.E. power *Dead weight*

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:

Classification Agency *Port of registry*

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam ☐

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu tàu biển ☐

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ tàu (tên, địa chỉ):

Shipowner (name, address)

.....

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

3. Đăng ký lại tàu biển Việt Nam (B-BGT- 017382-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đăng ký lại tàu biển đến cơ quan đăng ký tàu biển khu vực nơi mà tàu biển đã được đăng ký trước đây. Các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực gồm:

- + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng;
- + Chi Cục hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh;
- + Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

- Đăng ký lại tàu biển Việt Nam trong trường hợp chủ tàu có tàu biển đã được đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam nhưng sau đó đã xóa đăng ký.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.

- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam không thời hạn hồ sơ bao gồm:

- + Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
- + Bản chính giấy chứng nhận xóa đăng ký hoặc tạm ngừng đăng ký đối với tàu biển đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu biển được đóng mới;
- + Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương về quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính);
- + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định: nộp 01 bộ gồm bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và bản chính chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc bản chính giấy chứng nhận nơi cư trú có xác nhận của công an cấp xã (trường hợp chủ tàu là cá nhân Việt Nam).

- Trường hợp đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam :

+ Trường hợp chủ tàu là tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê mua tàu hoặc thuê tàu trần, hồ sơ bao gồm:

* Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

* Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

* Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

* Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

* Giấy chứng nhận xóa đăng ký hoặc tạm ngừng đăng ký tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

* Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần (bản chính);

* Biên bản bàn giao tàu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

+ Trường hợp chủ tàu là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài, hồ sơ bao gồm:

* Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

* Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

* Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

* Giấy chứng nhận xóa đăng ký hoặc tạm ngừng đăng ký tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

* Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam;

* Bản chính giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển đang đề nghị đăng ký;

* Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định gồm: 01 (một) bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và bản chính chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước; trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ, nộp 01 (một) bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế.

- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam đang đóng hồ sơ gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

- + Hợp đồng đóng mới tàu biển (bản chính hoặc bản sao có công chứng);
- + Giấy xác nhận tàu đã đặt sống chính của cơ sở đóng tàu có xác nhận của tổ chức đăng kiểm (bản chính);
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản chính).
- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam loại nhỏ hồ sơ gồm:
 - + Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
 - + Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển Việt Nam hoặc biên bản bàn giao tàu đối với tàu đóng mới (bản chính);
 - + Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác về quyền sở hữu có giá trị pháp lý tương đương (bản chính);
 - + Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định: nộp 01 bộ gồm bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và bản chính chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản chính);
 - + Sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu biển (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực căn cứ số đăng ký và ngày đăng ký trước đây của tàu biển để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:
 - Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
 - Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh;
 - Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Lệ phí đăng ký lại tàu biển:
 - + Tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT: 3.000 đồng/GT-lần (Mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);
 - + Tàu có dung tích đăng ký từ 501 đến 1.600 GT: 2.500 đồng/GT-lần;

- + Tàu có dung tích đăng ký từ 1.601 đến 3.000 GT: 2.000 đồng/GT-lần;
- + Tàu có dung tích đăng ký từ 3.001 GT trở lên: 1.500 đồng/GT-lần.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;
- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển;
- Quyết định số 84/2005/QĐ-BTC ngày 28/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ mua bán tàu biển và lệ phí đăng ký tàu biển, cấp bằng, chứng chỉ liên quan đến hoạt động tàu biển và công bố cảng biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

..... Ngày tháng ... năm ...

....., date... month ... year.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN

APPLICATION FOR REGISTRATION OF SHIP

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên tàu: Hô hiệu/Số IMO:

Ship's name

Call sign/IMO number

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:

Type of ship

Year/Place of building

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:

Breadth

Length over all

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng:

Draft

Gross tonnage/Net tonnage

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:

M.E. power

Dead weight

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:

Classification Agency

Port of registry

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam ☐

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu tàu biển ☐

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ tàu (tên, địa chỉ):

Shipowner (name, address)

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

4. Đăng ký thay đổi tên tàu biển Việt Nam (B-BGT-017434-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi tên tàu biển đến cơ quan đăng ký tàu biển khu vực nơi tàu biển đã được đăng ký trước đây. Các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực gồm:

- + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng;
- + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh;
- + Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.

- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam không thời hạn hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
- + Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam;

- Trường hợp đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
- + Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- + Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần (bản chính);

- + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam.
- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam đang đóng hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
 - + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng.
- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam loại nhỏ hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản chính);
 - + Sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu biển (bản chính);
 - + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực căn cứ vào sổ đăng ký, ngày đăng ký và hình thức đăng ký trước đây để cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:
 - Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
 - Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh;
 - Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển;
- Đơn đề nghị đăng ký thay đổi.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;
- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm ...

....., date... month ... year.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI

APPLICATION FOR CHANGING REGISTRATION

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số và thay đổi dưới đây:

Kindly register change the ship with the following
particulars:

Tên tàu: Hô hiệu/Số IMO:

Ship's name

Call sign/IMO number

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:

Type of ship

Year/Place of building

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:

Breadth

Length over all

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng: ...

Draft

Gross tonnage/Net tonnage

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:

M.E. power

Dead weight

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:

Classification Agency

Port of registry

Nội dung thay đổi:

Change in

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

....., ngày tháng ... năm

....., date... month ... year.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN

APPLICATION FOR REGISTRATION OF SHIP

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên tàu: Hô hiệu/Số IMO:

Ship's name

Call sign/IMO number

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:

Type of ship

Year/Place of building

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:

Breadth

Length over all

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng: .

Draft

Gross tonnage/Net tonnage

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:

M.E. power

Dead weight

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:

Classification Agency

Port of registry

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam ☐

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu tàu biển ☐

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ tàu (tên, địa chỉ):

Shipowner (name, address)

.....

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

5. Đăng ký thay đổi chủ sở hữu tàu biển (B-BGT-017475-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi chủ sở hữu tàu biển đến cơ quan đăng ký tàu biển khu vực nơi tàu biển đã được đăng ký trước đây. Các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực gồm:

- + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng;
- + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh;
- + Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.

- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam không thời hạn hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
- + Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương về quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính);

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định: nộp 01 bộ gồm bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và bản chính chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc bản chính giấy chứng nhận nơi cư trú có xác nhận của công an cấp xã (trường hợp chủ tàu là cá nhân Việt Nam);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam.

- Trường hợp đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần (bản chính);

+ Biên bản bàn giao tàu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam.

- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam đang đóng hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản chính);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng.

- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam loại nhỏ hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;

+ Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác về quyền sở hữu có giá trị pháp lý tương đương (bản chính);

+ Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định: nộp 01 bộ gồm bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và bản chính chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản chính);

+ Sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu biển (bản chính);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực căn cứ vào số đăng ký, ngày đăng ký và hình thức đăng ký trước đây để cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh;

- Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Lệ phí đăng ký là:

+ Tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT: 3.000 đồng/GT-lần (Mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 501 đến 1.600 GT: 2.500 đồng/GT-lần;

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 1.601 đến 3.000 GT: 2.000 đồng/GT-lần;

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 3.001 GT trở lên: 1.500 đồng/GT-lần

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký thay đổi.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;

- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển.

- Quyết định số 84/2005/QĐ-BTC ngày 28/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ mua bán tàu biển và lệ phí đăng ký tàu biển, cấp bằng, chứng chỉ liên quan đến hoạt động tàu biển và công bố cảng biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm

....., date... month ... year.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI

APPLICATION FOR CHANGING REGISTRATION

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số và thay đổi dưới đây:

Kindly register change the ship with the following particulars:

Tên tàu: Hô hiệu/Số IMO:
Ship's name Call sign/IMO number

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:
Type of ship Year/Place of building

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:
Breadth Length over all

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng: ...
Draft Gross tonnage/Net tonnage

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:
M.E. power Dead weight

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:
Classification Agency Port of registry

Nội dung thay đổi:
Change in

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

6. Đăng ký thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật tàu biển (B-BGT-017510-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật tàu biển đến cơ quan đăng ký tàu biển khu vực nơi tàu biển đã được đăng ký trước đây. Các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực gồm:

- + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng;
- + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh;
- + Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.

- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam không thời hạn hồ sơ gồm:

- + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
- + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam.

- Trường hợp đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam hồ sơ gồm:

- + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
- + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam.

- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam đang đóng hồ sơ gồm:

- + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;

- + Hợp đồng đóng mới tàu biển (bản chính hoặc bản sao có công chứng);
- + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng.
- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam loại nhỏ hồ sơ gồm:
 - + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
 - + Sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu biển (bản chính);
 - + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực căn cứ vào sổ đăng ký, ngày đăng ký và hình thức đăng ký trước đây để cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh;

- Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Lệ phí đăng ký thay đổi: 5% mức thu đăng ký chính thức

- Mức thu đăng ký chính thức:

+ Tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT: 3.000 đồng/GT-lần (Mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 501 đến 1.600 GT: 2.500 đồng/GT-lần;

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 1.601 đến 3.000 GT: 2.000 đồng/GT-lần;

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 3.001 GT trở lên: 1.500 đồng/GT-lần

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký thay đổi.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;

- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển;

- Quyết định số 84/2005/QĐ-BTC ngày 28/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ mua bán tàu biển và lệ phí đăng ký tàu biển, cấp bằng, chứng chỉ liên quan đến hoạt động tàu biển và công bố cảng biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

..... Ngày ... tháng ... năm ...

....., *date... month ... year.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI

APPLICATION FOR CHANGING REGISTRATION

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số và thay đổi dưới đây:

Kindly register change the ship with the following particulars:

Tên tàu: Hô hiệu/Số IMO:

Ship's name

Call sign/IMO number

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:

Type of ship

Year/Place of building

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:

Breadth

Length over all

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng:

Draft

Gross tonnage/Net tonnage

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:

M.E. power

Dead weight

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:

Classification Agency

Port of registry

Nội dung thay đổi:.....

Change in

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

7. Đăng ký thay đổi cơ quan đăng ký tàu biển khu vực (B-BGT- 017630-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi cơ quan đăng ký tàu biển khu vực đến cơ quan đăng ký tàu biển khu vực mới, nơi chủ tàu có yêu cầu thay đổi cơ quan đăng ký tàu biển khu vực. Các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực gồm:

- + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng;
- + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh;
- + Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.

- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam không thời hạn hồ sơ gồm:

- + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
- + Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
- + Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký hoặc tạm ngừng đăng ký đối với tàu biển đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu biển được đóng mới;
- + Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương về quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính);
- + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định: nộp 01 bộ gồm bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và bản

chính chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế;

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- + Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc bản chính giấy chứng nhận nơi cư trú có xác nhận của công an cấp xã (trường hợp chủ tàu là cá nhân Việt Nam).

- Trường hợp đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam:

- + Trường hợp chủ tàu là tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê mua tàu hoặc thuê tàu trần, hồ sơ bao gồm:

- * Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
- * Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
- * Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- * Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- * Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- * Giấy chứng nhận xóa đăng ký hoặc tạm ngừng đăng ký tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- * Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần (bản chính);

- * Biên bản bàn giao tàu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- + Trường hợp chủ tàu là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài, hồ sơ bao gồm:

- * Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;

- * Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

- * Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- * Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- * Giấy chứng nhận xóa đăng ký hoặc tạm ngừng đăng ký tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- * Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam;

- * Bản chính giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển đang đề nghị đăng ký;

- * Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định gồm 01 (một) bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và bản chính chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước; trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ, nộp 01 (một) bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế.

- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam đang đóng hồ sơ gồm:

- + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;

- + Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
- + Hợp đồng đóng mới tàu biển (bản chính hoặc bản sao có công chứng);
- + Giấy xác nhận tàu đã đặt sống chính của cơ sở đóng tàu có xác nhận của tổ chức đăng kiểm (bản chính);
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản chính).
- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam loại nhỏ hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
 - + Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
 - + Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển Việt Nam hoặc biên bản bàn giao tàu đối với tàu đóng mới (bản chính);
 - + Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác về quyền sở hữu có giá trị pháp lý tương đương (bản chính);
 - + Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định: nộp 01 bộ gồm bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và bản chính chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản chính);
 - + Sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu biển (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực căn cứ vào sổ đăng ký, ngày đăng ký và hình thức đăng ký trước đây để cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:
 - Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
 - Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh;
 - Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký thay đổi;
- Tờ khai đăng ký tàu biển.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;
- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

..... Ngày ... tháng ... năm ...

....., date... month ... year.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI
APPLICATION FOR CHANGING REGISTRATION

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số và thay đổi dưới đây:

Kindly register change the ship with the following particulars:

Tên tàu: Hô hiệu/Số IMO:
Ship's name Call sign/IMO number

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:
Type of ship Year/Place of building

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:
Breadth Length over all

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng:
Draft Gross tonnage/Net tonnage

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:
M.E. power Dead weight

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:
Classification Agency Port of registry

Nội dung thay đổi:.....
Change in

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

....., ngày tháng ... năm

....., date... month ... year.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN

APPLICATION FOR REGISTRATION OF SHIP

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên tàu: Hồ hiệu/Số IMO:

Ship's name *Call sign/IMO number*

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:

Type of ship *Year/Place of building*

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:

Breadth *Length over all*

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng:

Draft *Gross tonnage/Net tonnage*

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:

M.E. power *Dead weight*

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:

Classification Agency *Port of registry*

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam ☐

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu tàu biển ☐

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ tàu (tên, địa chỉ):

Shipowner (name, address)

.....

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

8. Đăng ký thay đổi tổ chức đăng kiểm tàu biển Việt Nam (B-BGT- 017658-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi tổ chức đăng kiểm tàu biển Việt Nam đến cơ quan đăng ký tàu biển khu vực, nơi tàu biển đã được đăng ký trước đây. Các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực gồm:

- + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng;
- + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh;
- + Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.

- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam không thời hạn hồ sơ gồm:

- + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
- + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam.

- Trường hợp đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam hồ sơ gồm:

- + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
- + Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam.

- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam đang đóng hồ sơ gồm:

- + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;

- + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng.
- Trường hợp đăng ký tàu biển Việt Nam loại nhỏ hồ sơ gồm:
 - + Đơn đề nghị đăng ký thay đổi theo mẫu;
 - + Sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu biển (bản chính);
 - + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực căn cứ vào số đăng ký, ngày đăng ký và hình thức đăng ký trước đây để cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

- Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, Lệ phí (nếu có): Không có.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký thay đổi.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;
- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm ...

....., date... month ... year.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI

APPLICATION FOR CHANGING REGISTRATION

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số và thay đổi dưới đây:

Kindly register change the ship with

the following particulars:

Tên tàu: Hồ hiệu/Số IMO:

Ship's name

Call sign/IMO number

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:

Type of ship

Year/Place of building

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:

Breadth

Length over all

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng: ...

Draft

Gross tonnage/Net tonnage

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:

M.E. power

Dead weight

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:

Classification Agency

Port of registry

Nội dung thay đổi:

Change in

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

9. Đăng ký tạm thời tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam (B-BGT- 017604-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đăng ký tạm thời tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam đến một trong các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực sau: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam được cấp trong các trường hợp sau:

+ Chưa nộp phí, lệ phí theo quy định, chưa có giấy chứng nhận xóa đăng ký; hoặc

+ Tạm ngừng đăng ký tàu biển, chủ tàu chạy thử tàu được đóng mới; hoặc

+ Nhận tàu đóng mới để đưa về nơi đăng ký trên cơ sở hợp đồng đóng tàu.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.

- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

- Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký hoặc tạm ngừng đăng ký đối với trường hợp chưa nộp phí, lệ phí hoặc tàu biển đã qua sử dụng;

- Bản chính biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với trường hợp nhận tàu đóng mới để đưa về nơi đăng ký;

- Bản chính hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương về quyền sở hữu đối với tàu biển;

- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Trường hợp tàu biển chưa được bàn giao cho người mua tàu, chủ tàu nộp bản sao Giấy chứng nhận dung tích tàu biển có xác nhận của chủ tàu;

- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Trường hợp tàu biển chưa được bàn giao cho người mua tàu, chủ tàu nộp bản sao Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển có xác nhận của chủ tàu;

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện Việt Nam;

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc bản chính giấy chứng nhận nơi cư trú có xác nhận của công an cấp xã (trường hợp chủ tàu là cá nhân Việt Nam).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

- Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Lệ phí: 30% mức thu đăng ký chính thức.

- Mức thu đăng ký chính thức:

+ Tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT: 3.000 đồng/GT-lần (Mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 501 đến 1.600 GT: 2.500 đồng/GT-lần;

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 1.601 đến 3.000 GT: 2.000 đồng/GT-lần;

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 3.001 GT trở lên: 1.500 đồng/GT-lần.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Trường hợp đăng ký lần đầu tại Việt Nam, tàu biển đã qua sử dụng phải có tuổi tàu tính từ năm đóng tàu theo quy định sau đây:

- Tàu khách không quá 10 tuổi;

- Các loại tàu biển khác không quá 15 tuổi.

Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định, nhưng không quá 5 tuổi đối với mỗi loại tàu biển quy định trên.

b) Tàu biển nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền thì không áp dụng tuổi tàu biển theo quy định tại Điểm a.

c) Tàu biển nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được chuyển đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam, nếu tại thời điểm ký hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại Điểm a.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;
- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển;
- Quyết định số 84/2005/QĐ-BTC ngày 28/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ mua bán tàu biển và lệ phí đăng ký tàu biển, cấp bằng, chứng chỉ liên quan đến hoạt động tàu biển và công bố cảng biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

..... Ngày tháng ... năm

....., date ... month ... year.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN

APPLICATION FOR REGISTRATION OF SHIP

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên tàu: Hô hiệu/Số IMO:
Ship's name *Call sign/IMO number*

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:
Type of ship *Year/Place of building*

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:
Breadth *Length over all*

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng: ...
Draft *Gross tonnage/Net tonnage*

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:
M.E. power *Dead weight*

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:
Classification Agency *Port of registry*

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam ☐
Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu tàu biển ☐
Registration for ownership

Hình thức đăng ký:
Kind of registration

Chủ tàu (tên, địa chỉ):
Shipowner (name, address)

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

10. Đăng ký tàu biển Việt Nam đang đóng **(B-BGT- 017818-TT)**

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký tàu biển Việt Nam đang đóng đến một trong các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực sau: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.

- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
- Hợp đồng đóng mới tàu biển (bản chính hoặc bản sao có công chứng);
- Giấy xác nhận tàu đã đặt sống chính của cơ sở đóng tàu có xác nhận của tổ chức đăng kiểm (bản chính);
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

- Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;

- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày tháng ... năm

....., date... month ... year.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN

APPLICATION FOR REGISTRATION OF SHIP

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên tàu: Hô hiệu/Số IMO:
Ship's name Call sign/IMO number

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:
Type of ship Year/Place of building

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:
Breadth Length over all

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng: ...
Draft Gross tonnage/Net tonnage

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:
M.E. power Dead weight

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:
Classification Agency Port of registry

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam ☐
Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu tàu biển ☐
Registration for ownership

Hình thức đăng ký:
Kind of registration

Chủ tàu (tên, địa chỉ):
Shipowner (name, address)

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

11. Đăng ký tàu biển Việt Nam loại nhỏ (B-BGT- 017819-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký tàu biển loại nhỏ đến một trong các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực sau: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.

- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
- Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển Việt Nam hoặc biên bản bàn giao tàu đối với tàu đóng mới (bản chính);
- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng về chuyển quyền sở hữu có giá trị pháp lý tương đương khác (bản chính);
- Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định: nộp 01 bộ gồm bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và bản chính chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp bản chính tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản chính);
- Sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu biển (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh;

- Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Lệ phí đăng ký

+ Tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT: 3.000 đồng/GT-lần (Mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 501 đến 1.600 GT: 2.500 đồng/GT-lần;

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 1.601 đến 3.000 GT: 2.000 đồng/GT-lần;

+ Tàu có dung tích đăng ký từ 3.001 GT trở lên: 1.500 đồng/GT-lần.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Trường hợp đăng ký lần đầu tại Việt Nam, tàu biển đã qua sử dụng phải có tuổi tàu tính từ năm đóng tàu theo quy định sau đây:

- Tàu khách không quá 10 tuổi;

- Các loại tàu biển khác không quá 15 tuổi.

Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định, nhưng không quá 5 tuổi đối với mỗi loại tàu biển quy định trên.

b) Tàu biển nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền thì không áp dụng tuổi tàu biển theo quy định tại Điểm a.

c) Tàu biển nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được chuyển đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam, nếu tại thời điểm ký hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại Điểm a.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;

- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển.

- Quyết định số 84/2005/QĐ-BTC ngày 28/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ mua bán

tàu biển và lệ phí đăng ký tàu biển, cấp bằng, chứng chỉ liên quan đến hoạt động
tàu biển và công bố cảng biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

....., ngày tháng ... năm

....., date... month ... year.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN

APPLICATION FOR REGISTRATION OF SHIP

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên tàu: Hô hiệu/Số IMO:

Ship's name

Call sign/IMO number

Loại tàu: Năm đóng/Nơi đóng:

Type of ship

Year/Place of building

Chiều rộng: Chiều dài lớn nhất:

Breadth

Length over all

Mớn nước: Tổng dung tích/Dung tích thực dụng:

Draft

Gross tonnage/Net tonnage

Công suất máy chính: Trọng tải toàn phần:

M.E. power

Dead weight

Tổ chức đăng kiểm: Cảng đăng ký:

Classification Agency

Port of registry

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam ☐

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu tàu biển ☐

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ tàu (tên, địa chỉ):

Shipowner (name, address)

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

12. Xóa đăng ký tàu biển Việt Nam (B-BGT- 017820-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị xóa đăng ký tàu biển Việt Nam đến cơ quan đăng ký tàu biển khu vực, nơi tàu biển đã được đăng ký trước đây. Các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực gồm:
 - + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng;
 - + Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh;
 - + Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.
- Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển được cấp trong các trường hợp sau:
 - + Bị phá hủy hoặc chìm đắm mà không thể trục vớt sử dụng lại được;
 - + Mất tích;
 - + Không còn đủ điều kiện để được mang cờ quốc tịch Việt Nam;
 - + Không còn tính năng tàu biển;
 - + Theo đề nghị của chủ tàu hoặc người đứng tên đăng ký tàu biển.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.
- Trường hợp gửi qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định.
- Đối với hồ sơ không đúng quy định: Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai xóa đăng ký tàu biển theo mẫu;
- Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam (bản chính). Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển bị mất, chủ tàu phải nêu rõ lý do;
- Văn bản chấp thuận xóa đăng ký tàu biển của người nhận thế chấp tàu biển đó theo quy định tại Điều 20 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số 11, đường Võ Thị Sáu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;

- Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 89, đường Pasteur, quận I, thành phố Hồ Chí Minh;

- Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng; địa chỉ: số 12, đường Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai xóa đăng ký tàu biển.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển;

- Nghị định số 77/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển.

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm ...

....., date... month ... year

TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN VIỆT NAM
APPLICATION FOR DEREGISTRATION OF SHIP

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển khu vực)

To: (Name of the Regional Registrar of ship)

Đề nghị xóa đăng ký tàu biển Việt Nam với các thông số dưới đây kể từ ngày ...
tháng ... năm.....

Kindly deregister the ship with the following particulars from date

Tên tàu: Hồ hiệu/Số IMO:
Ship's name Call sign/IMO number

Chủ tàu (tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu tàu):
Shipowner (name, address and ratio of ownership)

Người đề nghị xóa đăng ký (tên, địa chỉ):
Applicant (name, address)

Cảng đăng ký:
Port of registry

Số đăng ký:; Ngày đăng ký:
Number of registration Date of registration

Cơ quan đăng ký:
The Registrar of ship

Lý do xin xóa đăng ký.....
Reasons to deregister

.....

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

II- Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khác

13. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế (B-BGT-037312-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế tại Văn phòng Bộ Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải tiến hành cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời doanh nghiệp, hợp tác xã và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế (theo mẫu);

+ Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư trong đó có đăng ký ngành nghề kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế;

+ Xác nhận giá trị tài sản doanh nghiệp của cơ quan tài chính quản lý doanh nghiệp hoặc kiểm toán Nhà nước, doanh nghiệp kiểm toán. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện kiểm toán thì phải được tổ chức, ngân hàng bảo lãnh tương đương.

- Đối với doanh nghiệp của quốc gia là thành viên Hiệp định khung ASEAN về vận tải đa phương thức hoặc là doanh nghiệp của quốc gia đã ký điều ước quốc tế với Việt Nam về vận tải đa phương thức:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế do cơ quan có thẩm quyền nước đó cấp và đã được hợp pháp hóa lãnh sự;

+ Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp vận tải đa phương thức hoặc có bảo lãnh tương đương.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Vụ Vận tải - Bộ Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế.
- Thời hạn có giá trị của Giấy phép là 05 năm kể từ ngày cấp.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã Việt Nam:
 - + Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong đó có đăng ký ngành nghề kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế;
 - + Duy trì tài sản tối thiểu tương đương 80.000 SDR hoặc có bảo lãnh tương đương.
- Đối với doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam:
 - + Là doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đầu tư trong đó có đăng ký ngành nghề kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế;
 - + Có tài sản tối thiểu tương đương 80.000SDR hoặc có bảo lãnh tương đương.
- Đối với doanh nghiệp của quốc gia là thành viên Hiệp định khung ASEAN về vận tải đa phương thức hoặc là doanh nghiệp của quốc gia đã ký điều ước quốc tế với Việt Nam về vận tải đa phương thức:
 - + Được cấp phép hoặc được đăng ký kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế tại cơ quan có thẩm quyền của nước đó;
 - + Có bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp vận tải đa phương thức hoặc có bảo lãnh tương đương.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Nghị định số 87/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về vận tải đa phương thức;
- Nghị định số 89/2011/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về vận tải đa phương thức.

Mẫu

(Tên doanh nghiệp) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH
VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC QUỐC TẾ**

Kính gửi: BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Tên doanh nghiệp) có trụ sở tại.....

Điện thoại:....., Fax:....., E-mail:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do (Tên cơ quan cấp) cấp
ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện pháp lý tại Việt Nam (nếu có): Tên đại diện, trụ sở chính, Giấy
chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....).

Kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét và cấp Giấy phép kinh doanh
vận tải đa phương thức quốc tế cho (Tên doanh nghiệp).

(Tên doanh nghiệp) cam kết việc kinh doanh vận tải đa phương thức thực
hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
Việt Nam.

Chức danh người đại diện

Ký, đóng dấu

14. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế (B-BGT-107481-TT)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế tại Văn phòng Bộ Giao thông vận tải.

- Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế được cấp lại trong trường hợp:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế hết hạn hiệu lực; hoặc

+ Trong thời hạn Giấy phép còn hiệu lực mà người kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế thay đổi một trong các nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế đã được Bộ Giao thông vận tải cấp;

b) Giải quyết TTHC:

- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời doanh nghiệp, hợp tác xã và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế (theo mẫu);

- Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có thay đổi);

- Xác nhận giá trị tài sản doanh nghiệp của cơ quan tài chính hoặc bảo lãnh tương đương (nếu có thay đổi).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Vụ Vận tải - Bộ Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế.

- Thời hạn có giá trị của giấy phép: 05 năm kể từ ngày cấp.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã Việt Nam:

+ Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong đó có đăng ký ngành nghề kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế;

+ Duy trì tài sản tối thiểu tương đương 80.000 SDR hoặc có bảo lãnh tương đương.

- Đối với doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam:

+ Là doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đầu tư trong đó có đăng ký ngành nghề kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế;

+ Có tài sản tối thiểu tương đương 80.000SDR hoặc có bảo lãnh tương đương.

- Đối với doanh nghiệp của quốc gia là thành viên Hiệp định khung ASEAN về vận tải đa phương thức hoặc là doanh nghiệp của quốc gia đã ký điều ước quốc tế với Việt Nam về vận tải đa phương thức:

+ Được cấp phép hoặc được đăng ký kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế tại cơ quan có thẩm quyền của nước đó;

+ Có bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp vận tải đa phương thức hoặc có bảo lãnh tương đương.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 87/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về vận tải đa phương thức.

- Nghị định số 89/2011/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ, sung một số điều của Nghị định số 87/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về vận tải đa phương thức.

Mẫu

(Tên doanh nghiệp) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH
VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC QUỐC TẾ**

Kính gửi: BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Tên doanh nghiệp, HTX) có Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế số...../GP-GTVT ngày.... tháng..... năm... có hiệu lực đến ngày... tháng... năm.....

Trụ sở hiện tại.....

Điện thoại:....., Fax:....., E-mail:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng..... năm.....

Đại diện pháp lý tại Việt Nam là: (Tên đại diện, trụ sở chính, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... cấp ngày.... tháng... năm...).

Kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét và cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế cho (Tên doanh nghiệp, HTX) vì:(nêu lý do).

Những thay đổi về:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư	có	không
Tài sản tối thiểu của doanh nghiệp	có	không

(Tên doanh nghiệp, HTX) cam kết tiếp tục kinh doanh vận tải đa phương thức theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chức danh người đại diện

Ký, đóng dấu